

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố: 18721 /BTC-NSNN
V/v trả lời ý kiến, kiến nghị

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2014

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

CÔNG VĂN ĐẾN

Giữ C. ngày 25/12/...

Kính chuyển: ... VIII .t. 9711/...

Kính gửi: Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hồ Chí Minh

Bộ Tài chính nhận được Văn bản số 233/ĐĐB-TH ngày 05/11/2014 của Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố Hồ Chí Minh về việc tổng hợp ý kiến, kiến nghị với kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XIII (Văn bản số 9181/VPCP-V.III ngày 17/11/2014 của Văn phòng Chính phủ); căn cứ chức năng, nhiệm vụ được Chính phủ giao và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

1. Về kiến nghị đối với Chính phủ:

1.1. Tiếp tục bố trí nguồn vốn ngân sách Trung ương dành cho danh mục công trình trọng điểm mục tiêu quốc gia đối với các dự án thuộc Quyết định số 1547/QĐ-TTg ngày 28/20/2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch thủy lợi chống ngập úng khu vực Thành phố Hồ Chí Minh; phân cấp mạnh hơn cho Thành phố về thẩm quyền và trách nhiệm trong sử dụng các nguồn vốn nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển hạ tầng đô thị.

- Tại Quyết định số 1547/QĐ-TTg ngày 28/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch thủy lợi chống ngập úng khu vực thành phố Hồ Chí Minh quy định: Dự kiến tổng mức đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi chống ngập úng khu vực thành phố Hồ Chí Minh là 11.531 tỷ đồng, trong đó giai đoạn I là 10.080 tỷ đồng, giai đoạn 2 là 1.451 tỷ đồng. Nguồn vốn đầu tư: ngân sách nhà nước hàng năm (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương), vốn trái phiếu Chính phủ, nguồn vốn ODA. Phân giao cho Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh làm chủ đầu tư, Thành phố tự cân đối ngân sách và các nguồn vốn khác để thực hiện đồng bộ hệ thống công trình chống ngập úng theo quy định.

- Thực hiện Điều 2 Quyết định số 2082/QĐ-TTg ngày 15/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ: "*Giao Bộ Tài chính xem xét, đề xuất cơ chế tài chính đặc thù tạo nguồn vốn đầu tư cho dự án Quy hoạch thủy lợi chống ngập úng khu vực thành phố Hồ Chí Minh*"; ngày 04/4/2011, Bộ Tài chính đã có Văn bản số 433/BTC-ĐT trình Thủ tướng Chính phủ về cơ chế tài chính tạo nguồn vốn để đầu tư các dự án Quy hoạch thủy lợi chống ngập úng khu vực thành phố Hồ Chí Minh; trong đó có nội dung: "*Đối với các dự án thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh: Bộ Tài chính đề nghị thành phố Hồ Chí Minh thực hiện theo*

đúng quy định tại Khoản 3, Điều 2 Quyết định số 1547/QĐ-TTg ngày 28/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ “Phần giao cho Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh làm chủ đầu tư, thành phố tự cân đối ngân sách và các nguồn vốn đầu tư khác để thực hiện đồng bộ hệ thống công trình chống ngập úng theo quy định”. Đồng thời, trình Thủ tướng Chính phủ giao Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh làm việc với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để phối hợp vận động vốn ODA để thực hiện dự án”. Vì vậy, đề nghị Thành phố thực hiện theo Quyết định số 1547/QĐ-TTg ngày 28/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

- Về tình hình bố trí vốn ngân sách Trung ương cho các dự án:

+ Đối với các dự án thuộc Quy hoạch thủy lợi chống ngập úng thành phố Hồ Chí Minh do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý bao gồm: Dự án cống Mương Chuối; cống Kinh Lộ; cống Thủ Bộ (đã được lập và phê duyệt từ cuối tháng 10/2010). Tổng mức đầu tư của 03 Dự án trên là 5.847 tỷ đồng (đầu tư ở mức tối thiểu để đảm bảo yêu cầu ngăn triều); trong đó, cống Mương Chuối là 2.634 tỷ đồng, cống Kinh Lộ và Thủ Bộ là trên 3.213 tỷ đồng. Về thời gian thực hiện: Cống Mương Chuối có quy mô lớn, thời gian xây dựng cần 03 năm để hoàn thành. Các cống Kinh Lộ và Thủ Bộ, do có quy mô nhỏ hơn, thời gian thi công cần 02 năm để hoàn thành.

Năm 2012, ngân sách Trung ương đã ứng 50 tỷ đồng cho dự án cống Mương Chuối; năm 2013, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phân bổ 50 tỷ đồng cho dự án để thu hồi vốn ứng trước kế hoạch năm 2013. Năm 2014 và dự kiến năm 2015, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chưa cân đối bố trí được từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cho Dự án. Bên cạnh đó, tại Văn bản số 9118/VPCP-KTN ngày 23/12/2011 của Văn phòng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Hoàng Trung Hải đã giao Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn thiện thủ tục đưa một số dự án cấp bách thuộc quy hoạch, trong đó có các cống Mương Chuối, Kinh Lộ, Thủ Bộ vào danh mục các dự án ưu tiên đầu tư theo Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu (SP-RCC). Tiếp đó, ngày 25/02/2013 Thủ tướng Chính phủ đã có Văn bản số 262/TTg-KTN thông báo bổ sung dự án đầu tư cống Mương Chuối vào danh mục các dự án ưu tiên đầu tư theo SP-RCC và giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ ngành liên quan cân đối bố trí nguồn vốn để thực hiện dự án từ các khoản tín dụng của các nhà tài trợ cho biến đổi khí hậu và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định. Tuy nhiên, đến nay dự án trên chưa được cân đối bố trí vốn từ nguồn SP-RCC. Do vậy, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm việc với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để cân đối sắp xếp bố trí vốn cho dự án và phối hợp vận động vốn ODA để thực hiện dự án.

+ Đối với các dự án thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quản lý: Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 786/TTg-KTTH ngày 19/5/2011 về việc tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân bổ nguồn vượt thu dự toán ngân sách Trung ương năm 2010. Bộ Tài chính đã có văn bản số 7211/BTC-NSNN ngày 2/6/2011 thông báo bổ sung có mục tiêu năm 2011 từ nguồn ngân sách Trung ương cho dự án chống ngập úng thành phố Hồ Chí Minh là 1.000 tỷ đồng. Mặt khác, hiện nay ngân sách Trung ương đang hỗ trợ có mục tiêu cho Thành phố từ Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng cho dự án Công kiểm soát triều Nhiêu Lộc - Thị Nghè (dự án có tổng mức đầu tư 291 tỷ đồng, lũy kế vốn ngân sách Trung ương đã hỗ trợ đến nay là 244,4 tỷ đồng, trong đó 2014 bố trí là 48,4 tỷ đồng). Tại văn bản số 7642/BKHĐT-TH ngày 23/10/2014, Bộ Kế hoạch và Đầu tư dự kiến vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ cho thành phố Hồ Chí Minh trong kế hoạch 2015 từ Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng là 98 tỷ đồng. Do vậy, đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh chủ động sử dụng nguồn vốn Trung ương đã hỗ trợ, vốn hỗ trợ từ Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng hàng năm cho Thành phố, ngân sách Thành phố và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác (bao gồm cả các hình thức huy động vốn BT, PPP...) để thực hiện dự án. Đồng thời, làm việc với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để phối hợp vận động vốn ODA để thực hiện dự án.

- Đối với kiến nghị phân cấp mạnh hơn cho Thành phố về thẩm quyền và trách nhiệm trong sử dụng các nguồn vốn nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển hạ tầng đô thị: Hiện nay, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 124/2004/NĐ-CP quy định về một số cơ chế tài chính ngân sách đặc thù đối với thành phố Hồ Chí Minh và Nghị định số 61/2014/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 124/2004/NĐ-CP; theo đó, sau khi ngân sách trung ương thường 30% số vượt thu từ các khoản thu phân chia phần ngân sách trung ương hưởng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, nâng mức bổ sung có mục tiêu từ 30% hiện nay lên 70% số tăng thu ngân sách trung ương so với dự toán đã được Thủ tướng Chính phủ giao từ các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100%; và nâng mức dư nợ huy động của thành phố được phép huy động để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng từ không vượt quá 100% hiện nay lên 150% tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản của ngân sách thành phố theo dự toán Hội đồng nhân dân thành phố quyết định hàng năm. Đồng thời, việc phân cấp mạnh hơn cho Thành phố sẽ tiếp tục nghiên cứu cùng với sửa đổi, bổ sung Luật Ngân sách nhà nước và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

1.2. Xem xét tiếp tục hỗ trợ thành phố theo tỷ lệ 30% để đầu tư hạ tầng của giai đoạn II Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh.

- Dự án Đầu tư xây dựng Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh đã được phê duyệt gồm 2 giai đoạn, tình hình thực hiện Dự án đến nay như sau: Đối

với giai đoạn I, có 74 Dự án thành phần với tổng mức đầu tư 6.177,34 tỷ đồng theo Quyết định số 95/2003/QĐ-TTg ngày 13/5/2003 của Thủ tướng Chính phủ. Theo báo cáo của Thành phố là phù hợp với quy định tại Điều 9 Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28/8/2003 của Chính phủ về ban hành Quy chế khu công nghệ cao; giai đoạn I đã cơ bản hoàn thành đưa vào sử dụng (đến nay có 71 dự án thành phần đã được triển khai thực hiện, trong đó có 59 dự án đã đủ thủ tục đầu tư với tổng vốn đầu tư 6.019,993 tỷ đồng, đã giải ngân số tiền 4.982,265 tỷ đồng). Đối với giai đoạn II: Gồm 87 dự án thành phần có tổng mức đầu tư ước tính là 8.175,63 tỷ đồng, thời gian thực hiện đến năm 2020 (theo Quyết định số 6664/QĐ-UB ngày 28/12/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh). Đến nay đã có 06 Dự án đủ thủ tục đầu tư được triển khai thực hiện với tổng vốn đầu tư là 1.115,15 tỷ đồng, đã giải ngân 95,79 tỷ đồng.

- Theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 6562/VPCP-KTTH ngày 13/11/2007 “*Đồng ý ngân sách Trung ương hỗ trợ thành phố Hồ Chí Minh 30% tổng vốn đầu tư xây dựng Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước*”. Như vậy, vốn ngân sách Trung ương cần hỗ trợ cho giai đoạn I của dự án là 1.805,998 tỷ đồng. Từ năm 2005 đến nay, ngân sách Trung ương đã hỗ trợ 1.155,25 tỷ đồng cho khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh (từ năm 2005 - 2013 là 1.055,25 tỷ đồng; năm 2014 hỗ trợ 100 tỷ đồng, trong số này sẽ thu hồi 50 tỷ đồng đã tạm ứng trước). Như vậy, theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 6562/VPCP-KTTH ngày 13/11/2007, ngân sách Trung ương còn phải hỗ trợ vốn cho giai đoạn I của Dự án là 650,748 tỷ đồng. Ngày 29/10/2014, Bộ Tài chính đã có công văn số 15664/BTC-ĐT về việc ứng trước kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2015; theo đó, dự án Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh được ứng trước 150 tỷ đồng kế hoạch năm 2015.

- Về việc hỗ trợ vốn từ ngân sách Trung ương để đầu tư giai đoạn II của Dự án: Tại văn bản số 240/TB-VPCP ngày 23/6/2014 của Văn phòng Chính phủ về việc Thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Văn Ninh tại buổi làm việc với lãnh đạo thành phố Hồ Chí Minh: “*Về đề nghị tiếp tục hỗ trợ Thành phố đầu tư hạ tầng khu công nghệ cao: a) Đối với giai đoạn I: Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xem xét ứng ngân sách trung ương và bố trí vốn ngân sách trung ương kế hoạch năm 2015 số vốn còn thiếu để hỗ trợ cho thành phố Hồ Chí Minh thực hiện dự án đầu tư hạ tầng Khu công nghệ cao theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 6562/VPCP-KTTH ngày 13/11/2007 của Văn phòng Chính phủ. b) Đối với giai đoạn II: Thành phố chỉ đạo hoàn thành các thủ tục đầu tư, thẩm định nguồn vốn của Dự án giai đoạn II theo quy định; trên cơ sở đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ*

trì, phối hợp với Bộ Tài chính căn cứ khả năng cân đối ngân sách để đề xuất phương án bố trí vốn ngân sách trung ương hỗ trợ cho Dự án”.

Từ tình hình trên, đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh: Đối với nguồn vốn ngân sách Trung ương đã hỗ trợ cho dự án từ năm 2005 đến nay (1.155,25 tỷ đồng), đề nghị rà soát, báo cáo về việc bố trí vốn cho các công trình, dự án theo đúng quy định tại mục 1 Điều 9 Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28/8/2003 của Chính phủ ban hành Quy chế Khu công nghệ cao. Đồng thời, tiếp tục chỉ đạo Khu Công nghệ cao tập trung đầu tư dứt điểm, khẩn trương thi công hoàn thành các công trình dở dang, chuyển tiếp của giai đoạn I, tránh bố trí vốn đầu tư dàn trải làm giảm hiệu quả đầu tư xây dựng. Riêng đối với giai đoạn II Dự án: Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Văn Ninh tại buổi làm việc với lãnh đạo thành phố Hồ Chí Minh (văn bản số 240/TB-VPCP ngày 23/6/2014 của Văn phòng Chính phủ), đề nghị Thành phố chỉ đạo hoàn thành các thủ tục đầu tư, thẩm định nguồn vốn của Dự án giai đoạn II theo quy định; trên cơ sở đó, Bộ Tài chính sẽ phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư căn cứ khả năng cân đối ngân sách để đề xuất phương án bố trí vốn ngân sách trung ương hỗ trợ cho Dự án.

1.3. Sớm ban hành Nghị định về đầu tư theo hình thức đối tác công – tư trên cơ sở hợp nhất Nghị định số 108/2009/NĐ-CP ngày 27/11/2009 về đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT, BTO, BT và Quyết định số 71/2010/QĐ-TTg ngày 09/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về thí điểm đầu tư theo hình thức đối tác công tư. Trong đó, cần cụ thể hóa cơ chế chính sách chia sẻ rủi ro giữa nhà nước và nhà đầu tư thông qua chính sách bảo lãnh của Chính phủ, bảo đảm doanh thu, bảo đảm cân đối ngoại tệ, sử dụng nguồn vốn nhà nước để tham gia hoặc hỗ trợ thực hiện dự án.

- Đối với việc cụ thể hóa chính sách chia sẻ rủi ro giữa nhà nước và nhà đầu tư thông qua chính sách bảo lãnh của Chính phủ: Chính sách bảo lãnh của Chính phủ đã được quy định tại Luật Quản lý nợ công số 29/2009/QH12 ngày 17/6/2009 và Nghị định số 15/2011/NĐ-CP ngày 16/2/2011 về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định đầu tư theo hình thức đối tác công – tư.

- Đối với các nội dung khác như bảo đảm doanh thu, bảo đảm cân đối ngoại tệ, sử dụng nguồn vốn nhà nước để tham gia hoặc hỗ trợ thực hiện dự án: Hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư được Thủ tướng Chính phủ giao chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng dự thảo Nghị định về đầu tư theo hình thức đối tác công tư. Dự thảo Nghị định đã được Bộ Tư pháp thẩm định và đang trình Chính phủ xem xét, phê duyệt. Các nội dung kiến nghị của thành phố liên quan đến bảo lãnh của Chính phủ, bảo đảm cân đối ngoại tệ, sử dụng

nguồn vốn Nhà nước để tham gia hỗ trợ thực hiện dự án đã được quy định trong dự thảo Nghị định trên.

1.4. Ban hành các cơ chế đặc biệt để huy động vốn đầu tư xây dựng hệ thống đường sắt đô thị; hỗ trợ thành phố trong công tác tìm nguồn vốn đầu tư, vận động ODA làm cơ sở đẩy nhanh tiến độ xây dựng các tuyến đường sắt đô thị (tuyến 3a, tuyến 3b, số 4, số 6), cho phép sử dụng nhiều loại hình đầu tư xây dựng các tuyến đường sắt đô thị ngoài ODA. Xem xét, ban hành quy chế riêng cho việc quản lý đầu tư, xây dựng và khai thác, vận hành hệ thống metro.

Về nguyên tắc, Bộ Tài chính thống nhất đề xuất hỗ trợ Thành phố trong công tác tìm nguồn vốn đầu tư, vận động ODA làm cơ sở để đẩy nhanh tiến độ xây dựng các tuyến đường sắt đô thị (tuyến số 3a, tuyến số 3b, số 4, số 6), đồng thời cho phép sử dụng nhiều loại hình đầu tư xây dựng các tuyến đường sắt đô thị ngoài ODA theo quy định của pháp luật để đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư hệ thống đường sắt đô thị. Đối với đề xuất xem xét, ban hành quy chế riêng cho việc quản lý đầu tư, xây dựng và khai thác, vận hành hệ thống metro đề nghị thành phố Hồ Chí Minh làm việc với các Bộ, ngành liên quan như Bộ Xây dựng, Giao thông vận tải, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để đảm bảo các quy chế riêng phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng công trình.

1.5. Xem xét phân cấp, tạo cơ chế tăng tính chủ động của Thành phố Hồ Chí Minh trong việc quyết định phê duyệt danh mục dự án và lựa chọn nhà đầu tư các dự án đầu tư theo hình thức BOT, BTO, BT, PPP theo hướng không phải trình Chính phủ đối với các dự án thực hiện trên địa bàn thành phố, phù hợp với quy hoạch và không yêu cầu có sự hỗ trợ về cơ chế chính sách từ Trung ương. Ngoài ra, trường hợp thu xếp được quỹ đất sạch để tạo nguồn vốn thanh toán cho nhà đầu tư xây dựng công trình BT, chấp thuận cho thành phố không nhất thiết phải tiến hành đấu giá quyền sử dụng đất mà giao cho nhà đầu tư xây dựng công trình BT dựa trên nguyên tắc ngang giá giữa giá trị quyền sử dụng của khu đất được giao và tổng vốn đầu tư xây dựng công trình BT tại cùng một thời điểm đàm phán, ký kết hợp đồng BT.

- Theo quy định tại Điều 9, Nghị định số 108/2009/NĐ-CP ngày 27/11/2009 của Chính phủ, căn cứ quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội trong từng thời kỳ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập danh mục dự án BOT, BTO, BT của địa phương. Tùy thuộc vào mục tiêu, tính chất và địa điểm của mỗi dự án trong danh mục, Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Danh mục dự án đến các bộ, ngành và địa phương liên quan để lấy ý kiến. Như vậy, đối với các dự án BOT, BTO, BT thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hồ Chí Minh, phù hợp với quy hoạch và không yêu cầu có sự hỗ trợ về cơ chế chính sách từ trung ương, việc lập danh mục dự án và phê duyệt danh mục dự án thuộc thẩm quyền của UBND thành phố Hồ Chí Minh, không phải trình Thủ tướng Chính phủ. Đối với

lựa chọn Nhà đầu tư các dự án BOT, BTO, BT được thực hiện theo quy định đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư; riêng trường hợp chỉ định Nhà đầu tư thực hiện để đáp ứng nhu cầu cấp bách về việc sử dụng công trình kết cấu hạ tầng thì phải trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

- Riêng trường hợp đã thu xếp được quỹ đất sạch để tạo nguồn vốn thanh toán cho nhà đầu tư xây dựng công trình BT, chấp thuận cho thành phố không nhất thiết phải tiến hành đấu giá quyền sử dụng đất mà giao cho nhà đầu tư xây dựng công trình BT dựa trên nguyên tắc ngang giá giữa giá trị quyền sử dụng đất của khu đất được giao và tổng vốn đầu tư xây dựng công trình BT tại cùng một thời điểm đàm phán, ký kết hợp đồng BT.

Trong quá trình khảo sát thực tế xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế Nhà nước thanh toán bằng quỹ đất cho Nhà đầu tư khi thực hiện Dự án đầu tư xây dựng theo hình thức Xây dựng - Chuyển giao, Bộ Tài chính ghi nhận kiến nghị này của thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, dự kiến trình Thủ tướng Chính phủ như sau:

- Luật đất đai năm 2013 quy định Nhà nước thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch để giao đất sạch cho người sử dụng đất (giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê), khi đã có đất sạch thì phải thực hiện đấu giá. Như vậy, trong trường hợp thực hiện Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng theo hình thức BT chỉ còn hình thức sử dụng quỹ đất “sạch” để đấu giá lấy tiền thanh toán cho Nhà đầu tư, tạo sự minh bạch trong tổ chức thực hiện. Điều này, về thực chất là không có Dự án BT thực hiện theo phương thức thanh toán bằng đất.

Do đó, thực hiện mục tiêu của cơ chế thanh toán BT nhằm huy động các nguồn vốn khác (ngoài ngân sách nhà nước) để đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng trong trường hợp đã lựa chọn được Nhà đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng theo đúng quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc lựa chọn nhà đầu tư, tại dự thảo Quyết định quy định về quỹ đất thanh toán như sau:

+ Quỹ đất thanh toán cho Nhà đầu tư là quỹ đất chưa thực hiện giải phóng mặt bằng (gồm cả trường hợp Dự án BT là dự án đầu tư xây dựng lại công trình hiện có tại vị trí mới mà quỹ đất thanh toán là quỹ đất tại vị trí cũ của công trình); theo đó, Nhà đầu tư thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng như trường hợp tự nguyện ứng trước bồi thường, giải phóng mặt bằng để được giao đất hoặc thuê đất một lần theo quy định tại Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất, Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

+ Trường hợp tại địa phương có quỹ đất đã hoàn thành việc giải phóng mặt bằng để giao cho Nhà đầu tư thực hiện Dự án BT thì quỹ đất đó đảm bảo

điều kiện đã tổ chức đấu giá giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê nhưng không thành theo quy định của pháp luật về đấu giá.

- Ngoài ra, để xử lý đối với các trường hợp đặc thù, hiện tại Bộ Tài chính đang dự thảo tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế Nhà nước thanh toán bằng quỹ đất cho Nhà đầu tư khi thực hiện Dự án đầu tư xây dựng theo hình thức Xây dựng - Chuyển giao; theo đó có nội dung: “*Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc thanh toán Dự án BT bằng quỹ đất đối với các trường hợp không đảm bảo các quy định về quỹ đất thanh toán tại Quyết định này trên cơ sở đề xuất của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*”.

2. Kiến nghị Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành: Tăng cường công tác tập huấn các quy định về quản lý ODA, đặc biệt các văn bản quy định mới và hướng dẫn thực hiện công tác lập báo cáo đánh giá giữa kỳ và kết thúc dự án (Điểm 2.1); tiếp tục hỗ trợ thành phố trong việc vận động nguồn ODA tài trợ cho các dự án ưu tiên đầu tư vào lĩnh vực phát triển cơ sở hạ tầng, giao thông, môi trường có quy mô lớn như: Dự án đầu tư xây dựng tuyến Metro số 5, Dự án đầu tư xây dựng nhà ga trung tâm Bến Thành và Dự án quản lý ngập rủi ro (Điểm 2.2); nghiên cứu để tiếp tục điều chỉnh các quy định nhằm thực hiện hài hòa thủ tục giữa quy định của Việt Nam và chính sách nhà tài trợ (trọng tâm là những vấn đề cụ thể trong các quy định về nghiệm thu kỹ thuật và giải ngân) (Điểm 2.3); đề nghị phối hợp các chủ dự án cấp Trung ương tổ chức thí điểm công tác đánh giá cuối kỳ, đánh giá sau dự án đối với một số dự án trọng điểm nhằm rút kinh nghiệm chung cho các địa phương về quy trình và định mức chi phí thực hiện (Điểm 2.4).

Bộ Tài chính thống nhất với các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Đối với kiến nghị tăng cường công tác tập huấn các quy định về quản lý ODA, đặc biệt các văn bản quy định mới và hướng dẫn thực hiện công tác lập báo cáo đánh giá giữa kỳ và kết thúc dự án (Điểm 2.1): Hiện tại, Bộ Tài chính đang thực hiện Dự án hỗ trợ kỹ thuật phân cấp quản lý tài chính giai đoạn 3 (do Ngân hàng phát triển Châu Á tài trợ) dành cho các Chủ dự án, đơn vị có nhu cầu tham gia, nhằm tăng cường công tác quản lý ODA, hướng dẫn quy trình giải ngân, lập kế hoạch tài chính, phân tích tài chính,...

3. Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chấp thuận cơ chế chính sách đầu tư xây dựng hệ thống bến bãi (giao thông tĩnh) trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh:

Thực hiện Thông báo số 214/TB-VPCP ngày 23/6/2014 của Văn phòng Chính phủ về ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh tại buổi làm việc

với Lãnh đạo thành phố Hồ Chí Minh; Bộ Tài chính đã có Công văn số 10748/BTC-CST ngày 04/8/2014 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về chính sách thuế đối với dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh bãi giữ xe. Theo đó, Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ chấp thuận đề xuất của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể: Miễn tiền thuê đất đối với phần diện tích đất phục vụ cho công trình xây dựng bến bãi (bao gồm cả: khu vực dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện; khu bán vé; khu quản lý điều hành; khu vực đón trả khách; phòng chờ khách; khu phục vụ vệ sinh; khu rửa xe; khu vực kho hàng hóa; khu vực bố trí mảng xanh và đường giao thông nội bộ).

Tuy nhiên, ngày 29/8/2014, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 6671/VPCP-KTTH thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh:

"- Trước mắt, Bộ Tài chính hướng dẫn thành phố Hồ Chí Minh thực hiện chính sách thuế đối với dự án đầu tư, xây dựng kinh doanh bãi giữ xe theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và cơ quan liên quan nghiên cứu sự cần thiết có chính sách ưu đãi và xây dựng chính sách ưu đãi (nếu cần) đối với xây dựng – khai thác các công trình, dự án trồng giữ xe, báo cáo Thủ tướng Chính phủ".

Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh tại Công văn số 6671/VPCP-KTTH nêu trên; Bộ Tài chính đã có Công văn số 13716/BTC-CST ngày 29/9/2014 hướng dẫn Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh thực hiện. Riêng miễn tiền thuê đất đối với dự án đầu tư, xây dựng kinh doanh bãi giữ xe, Bộ Tài chính sẽ chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định; khi có kết quả xử lý, Bộ Tài chính sẽ có văn bản trả lời để Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh được biết. Dự kiến Bộ Tài chính sẽ phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh thực hiện khảo sát và báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý I/2015.

4. Về vấn đề ngân sách:

4.1. Về tỷ lệ điều tiết về ngân sách cấp trên đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương: Kiến nghị sửa Luật ngân sách Nhà nước theo hướng: Không quy định tăng tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia về ngân sách cấp trên sau mỗi thời kỳ ổn định ngân sách. Đồng thời, xem xét tăng tỷ lệ điều tiết cho ngân sách Thành phố, thực hiện từ năm 2015 theo chỉ đạo của Bộ Chính trị nêu tại điểm 3 Phần III của Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 10/8/2012 về phương hướng, nhiệm vụ phát triển

Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và cho phép Thành phố giữ ổn định tỷ lệ này trong giai đoạn 10 năm.

Về nội dung này khi xây dựng Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi), Bộ Tài chính đã báo cáo Chính phủ 02 Phương án (Phương án 1 - giữ như quy định hiện hành; Phương án 2 bỏ nội dung này). Sau khi thảo luận, Chính phủ đã quyết định thực hiện theo Phương án 1 là giữ như hiện hành, nhằm thúc đẩy các địa phương chăm lo, cải thiện môi trường thu hút vốn đầu tư để phát triển mở rộng quy mô kinh tế của địa phương, tạo nguồn thu, từng bước tăng khả năng tự cân đối của địa phương mình qua mỗi thời kỳ ổn định ngân sách để trình Quốc hội xem xét, quyết định.

Về tỷ lệ điều tiết cho ngân sách thành phố các khoản thu phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách Thành phố cho thời kỳ ổn định ngân sách mới, Bộ Tài chính sẽ trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định đảm bảo phù hợp với khả năng của ngân sách Trung ương và Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 10/8/2012 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020.

4.2. Về thẩm quyền phân bổ ngân sách địa phương:

Kiến nghị sửa Luật ngân sách Nhà nước theo hướng: Trung ương giao dự toán cho ngân sách Thành phố bao gồm chỉ tiêu tổng thu, tổng chi; giao cho Hội đồng nhân dân thành phố quyết định phân bổ chi cho từng lĩnh vực phù hợp với thực tế tại địa phương, đảm bảo đúng chính sách chế độ quy định. Việc phân cấp cho Hội đồng nhân dân thành phố trong phân bổ chi ngân sách sẽ góp phần xóa bỏ tính lồng ghép, đồng thời đơn giản hóa thủ tục trong công tác lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước.

Bộ Tài chính ủng hộ đề nghị của Thành phố, đề nghị Thành phố đưa nội dung này vào Đề án thí điểm chính quyền đô thị để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

5. Về vấn đề thuế:

5.1. Về chính sách thuế:

a. Về Luật thuế giá trị gia tăng: Theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 03/06/2008 và Luật sửa đổi, bổ sung của Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 19/06/2013 thì không có một điều khoản nào quy định các trường hợp không phải kê khai nộp thuế giá trị gia tăng. Tuy nhiên, Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng tại Khoản 3, Điều 2 và tại Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một

số điều Luật Thuế giá trị gia tăng trong khi Luật Thuế giá trị gia tăng không có, là không phù hợp với Luật thuế giá trị gia tăng.

Những trường hợp quy định không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng tại Nghị định số 209/2013/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính đều là nội dung quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế Giá trị gia tăng về kỹ thuật nghiệp vụ. Cụ thể như sau:

(1) Đối với tổ chức, cá nhân nhận các khoản thu về bồi thường, tiền thưởng, tiền hỗ trợ, tiền chuyển nhượng quyền phát thải và các khoản thu tài chính khác:

Điều 3 Luật thuế Giá trị gia tăng quy định: “*Hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam là đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng, trừ các đối tượng quy định tại Điều 5 của Luật này*”. Thực tế, nhiều doanh nghiệp nhận được các khoản tiền bồi thường, đền bù thiệt hại do bị huỷ hợp đồng, nhận tiền thưởng do thực hiện tốt hợp đồng hoặc nhận tiền hỗ trợ từ công ty mẹ ở nước ngoài cho hoạt động kinh doanh tại Việt Nam (như hỗ trợ chi phí thương mại), nhận tiền hỗ trợ từ đối tác nước ngoài để rút khỏi dự án đầu tư đã được cấp phép, chuyển nhượng quyền phát thải (bán chứng chỉ giảm phát thải). Các khoản thu này không phải là doanh thu hàng hoá, dịch vụ nên không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng. Do đó, căn cứ Điều 3 Luật thuế Giá trị gia tăng nêu trên thì tiền bồi thường, tiền thưởng, tiền hỗ trợ, tiền chuyển nhượng quyền phát thải nói trên không phải là doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật thuế Giá trị gia tăng (là thu nhập khác của doanh nghiệp). Tuy nhiên do không được quy định cụ thể tại Nghị định của Chính phủ nên còn có cách hiểu khác. Để bảo đảm minh bạch và thống nhất trong thực hiện, Chính phủ đã quy định không phải kê khai, tính nộp thuế Giá trị gia tăng đối với khoản thu về bồi thường, tiền thưởng, tiền hỗ trợ, tiền chuyển nhượng quyền phát thải và các khoản thu tài chính khác.

(2) Đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam mua dịch vụ của tổ chức nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, cá nhân ở nước ngoài là đối tượng không cư trú tại Việt Nam, bao gồm các trường hợp: Sửa chữa phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị (bao gồm cả vật tư, phụ tùng thay thế); quảng cáo, tiếp thị; xúc tiến đầu tư và thương mại; môi giới bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; đào tạo; chia cước dịch vụ bưu chính, viễn thông quốc tế với nước ngoài mà các dịch vụ này được thực hiện ở ngoài Việt Nam:

Điều 4 Luật thuế Giá trị gia tăng quy định: Người nộp thuế Giá trị gia tăng là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế Giá trị gia tăng (gọi chung là cơ sở kinh doanh) và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa chịu thuế giá trị gia tăng (gọi chung là người nhập khẩu); Điều 3 Luật thuế Giá

trị gia tăng quy định: Hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam là đối tượng chịu thuế Giá trị gia tăng, trừ các đối tượng không chịu thuế tại Điều 5 của Luật. Theo các quy định nêu trên, một số dịch vụ mà phía Việt Nam mua, trả tiền nhưng dịch vụ được thực hiện và tiêu dùng hoàn toàn ở nước ngoài (như, đưa phương tiện vận tải ra nước ngoài để sửa chữa; thuê các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài quảng cáo, tiếp thị, xúc tiến đầu tư và thương mại; môi giới bán hàng hoá; tổ chức đào tạo và các dịch vụ khác tại nước ngoài,...) không thuộc diện điều chỉnh của pháp luật thuế Giá trị gia tăng tại Việt Nam nên không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện vẫn phát sinh vướng mắc do chưa hiểu rõ bản chất các hoạt động trên. Vì vậy, để bảo đảm thống nhất trong thực hiện, Chính phủ đã bổ sung vào quy định về đối tượng không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng và đây là quy định chi tiết thi hành về đối tượng chịu thuế và đối tượng nộp thuế theo Luật thuế Giá trị gia tăng.

(3) Tổ chức, cá nhân không kinh doanh, không phải là người nộp thuế giá trị gia tăng bán tài sản:

Điều 4 Luật thuế Giá trị gia tăng quy định người nộp thuế giá trị gia tăng là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa chịu thuế giá trị gia tăng nên tổ chức, cá nhân không kinh doanh không có nghĩa vụ phải kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng khi bán tài sản. Tuy nhiên do chưa có quy định rõ nên thực tế nhiều trường hợp tổ chức, cá nhân không kinh doanh bán (thanh lý) tài sản, như văn phòng đại diện không có chức năng kinh doanh của tổ chức nước ngoài kết thúc hoạt động tại Việt Nam; các cơ quan hành chính, sự nghiệp nhà nước thanh lý tài sản; tổ chức, cá nhân không kinh doanh có tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ nợ ngân hàng, các tổ chức tín dụng đến hạn không trả được nợ, bị bên cho vay xiết nợ bán tài sản bảo đảm để thu hồi nợ;... đã phát sinh vướng mắc.

Vì vậy căn cứ Điều 4 Luật thuế Giá trị gia tăng nêu trên, Chính phủ đã bổ sung vào quy định về những trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng.

(4) Đối với tổ chức, cá nhân chuyên nhượng dự án đầu tư để sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng cho doanh nghiệp, hợp tác xã.

Trong bối cảnh hiện nay, nhiều doanh nghiệp đặc biệt là các tập đoàn, tổng công ty nhà nước phải thực hiện thoái vốn trong các lĩnh vực ngoài ngành và thực hiện tái cấu trúc nên phát sinh nhiều trường hợp chuyên nhượng dự án đầu tư. Do dự án đầu tư được chuyên nhượng thường có giá trị lớn dẫn đến khó khăn về vốn cho doanh nghiệp (đơn vị nhận chuyên nhượng phải bố trí một khoản vốn lớn để thanh toán tiền thuế và kê khai, khấu trừ chờ hoàn thuế). Trong

điều kiện còn nhiều khó khăn, việc thu xếp vốn để trả thuế, nhất là đối với những dự án đầu tư hàng nghìn tỷ đồng mà nếu tính thuế khi chuyển nhượng có số thuế giá trị gia tăng phải trả hàng trăm tỷ đồng, gây khó khăn cho cả doanh nghiệp chuyển nhượng và doanh nghiệp nhận chuyển nhượng, không khuyến khích đầu tư và tái cơ cấu nền kinh tế trong khi thu ngân sách không tăng thêm do nộp rồi lại được hoàn.

Chuyển nhượng dự án đầu tư để sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng thì phản ánh đúng thực chất số thu của ngân sách về thuế tiêu dùng: Nếu thu thì đơn vị bán kê khai nộp thuế giá trị gia tăng đối với dự án chứ không phải hàng hóa, dịch vụ do dự án đó tạo ra. Số thu tính cho ngân sách địa phương. Đơn vị nhận chuyển nhượng lập hồ sơ hoàn thuế ngay khi nhận được hóa đơn giá trị gia tăng của đơn vị chuyển nhượng xuất cho và được hoàn thuế từ ngân sách Trung ương. Đối với chuyển nhượng dự án đầu tư để sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng, do thuế giá trị gia tăng đầu vào không được kê khai, khấu trừ, hoàn thuế nên phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng bảo đảm đúng nguyên tắc khấu trừ thuế quy định tại Luật thuế Giá trị gia tăng.

Vì vậy, Chính phủ đã bổ sung quy định chuyển nhượng dự án đầu tư để sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng vào diện không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng (thuế giá trị gia tăng đầu vào sử dụng cho dự án đầu tư được khấu trừ, hoàn thuế) để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế. Đây là giải pháp kỹ thuật về khấu trừ, hoàn thuế theo đúng quy định tại Điều 10, 12 và 13 của Luật thuế Giá trị gia tăng.

(5) Đối với sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường được bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1, Điều 5 Luật thuế Giá trị gia tăng:

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 5 Luật thuế Giá trị gia tăng thì: Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu không chịu thuế giá trị gia tăng. Theo Khoản 2, Điều 8 Luật thuế Giá trị gia tăng, nếu những sản phẩm này được bán trên khâu thương mại phải chịu thuế giá trị gia tăng với mức thuế suất 5%.

Thực tế trong thời gian vừa qua, nhiều doanh nghiệp trên khâu kinh doanh thương mại lợi dụng quy định này mua hàng của nông dân (không chịu thuế giá trị gia tăng) sau đó mua hóa đơn có thuế 5% để hợp thức đầu vào lòng vòng qua nhiều doanh nghiệp sau cùng bán cho doanh nghiệp xuất khẩu để doanh nghiệp xuất khẩu được hoàn thuế. Để khắc phục tình trạng gian lận trong khâu trừ, hoàn

thuế đối với hàng nông, lâm, thủy sản, Bộ Tài chính phối hợp với Ủy ban nhân dân các địa phương đã có nhiều giải pháp để ngăn chặn tình trạng này. Để giải quyết căn bản gian lận trong khâu trừ, hoàn thuế đối với hàng hóa là nông, lâm, thủy sản nói trên, Chính phủ đã bổ sung quy định: sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường được bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng. Đây là giải pháp kỹ thuật về khâu trừ, hoàn thuế theo đúng quy định tại Điều 10, 12 và 13 của Luật thuế Giá trị gia tăng.

Trong quá trình xây dựng, soạn thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Luật về thuế vừa được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014, Bộ Tài chính thay mặt cơ quan soạn thảo đã báo cáo Thường trực Ủy ban Tài chính ngân sách (cơ quan thẩm tra) về 02 trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế nêu trên. Thường trực Ủy ban tài chính ngân sách đã thống nhất với Bộ Tài chính cho rằng các giải pháp kỹ thuật này phù hợp với Luật thuế Giá trị gia tăng nên không phải sửa đổi, bổ sung Luật thuế Giá trị gia tăng trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Luật về thuế.

b. Về Luật thuế thu nhập cá nhân: Theo quy định hiện hành của Luật Thuế thu nhập cá nhân thì cá nhân có chuyển nhượng bất động sản phải nộp thuế thu nhập theo 2 mức thuế suất: Tính 25% trên thu nhập chịu thuế hoặc tính 2% trên giá chuyển nhượng. Việc quy định như trên, trên thực tế đã xảy ra rất nhiều phức tạp khi xác định trường hợp nào phải nộp thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản theo thuế suất 25% hoặc theo thuế suất 2%. Kiến nghị sửa Luật Thuế thu nhập cá nhân chỉ áp dụng thu một mức thuế suất là 2% trên giá chuyển nhượng như trước đây thu 5% trên giá đất khi tính thuế chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Thuế chuyển quyền sử dụng đất.

Tại Khoản 6 và Khoản 7, Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2015), quy định:

"6. Sửa đổi Điều 14 như sau: ...1. Thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng bất động sản được xác định là giá chuyển nhượng từng lần. 2. Chính phủ quy định nguyên tắc, phương pháp xác định giá chuyển nhượng bất động sản. 3. Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng bất động sản là thời điểm hợp đồng chuyển nhượng có hiệu lực theo quy định của pháp luật. 7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 23 như sau: ...2. Biểu thuế toàn phần được quy định như sau:... e) Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản: 2%".

Căn cứ quy định nêu trên, kể từ ngày 01/01/2015 thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản được áp dụng một mức thuế suất chung là 2% trên giá chuyển nhượng.

5.2. Việc giải quyết hồ sơ giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất; hiện tại Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế Thành phố vẫn đang sử dụng Thông tư liên tịch số 30/2005/TTLT-BTC-BTNMT ngày 18/4/2005, do Thông tư liên tịch này căn cứ vào Luật đất đai năm 2003 nên không còn phù hợp trong việc luân chuyển hồ sơ giữa các Sở ngành chưa rõ ràng, kiến nghị Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường khẩn trương ban hành Thông tư liên tịch mới thực hiện Luật đất đai năm 2013.

Triển khai thực hiện Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước (có hiệu lực từ ngày 01/7/2014); Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014, Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 hướng dẫn 02 Nghị định này. Ngoài ra, Bộ Tài chính được giao chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng, ban hành Thông tư liên tịch quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ của người sử dụng đất khi thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai (thay thế Thông tư liên tịch số 30/2005/TTLT-BTC-BTNMT). Ngày 26/9/2014, Bộ Tài chính đã có Công văn số 13628/BTC-QLCS xin ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường vào dự thảo Thông tư liên tịch; tuy nhiên, đến nay Bộ Tài nguyên và Môi trường chưa có ý kiến tham gia.

Để kịp thời hướng dẫn các địa phương thực hiện trong thời gian chưa ban hành được Thông tư liên tịch nêu trên; sau khi có ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính đã có Công văn số 15286/BTC-QLCS ngày 23/10/2014 hướng dẫn tạm thời hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ của người sử dụng đất khi thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai. Do đó, trong thời gian Thông tư liên tịch chưa được ban hành; hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ của người sử dụng đất khi thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai tiếp tục thực hiện theo hướng dẫn tạm thời của Bộ Tài chính tại Công văn số 15286/BTC-QLCS ngày 23/10/2014.

6. Về thị trường bất động sản: Nhằm tiếp tục thực hiện mục tiêu tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản, kiến nghị:

6.1. Về đất đai: Đối với các doanh nghiệp đã thỏa thuận bồi thường nhưng chưa đóng tiền sử dụng đất hoặc còn nợ tiền sử dụng đất, kiến nghị có hướng dẫn cụ thể việc khấu trừ các chi phí hợp lý của doanh nghiệp để tránh tình trạng phải nộp tiền sử dụng đất "*gần như 02 lần*". Về lâu dài, đề nghị nghiên cứu bỏ hẳn khái niệm "*tiền sử dụng đất*" mà thay thế bằng sắc thuế với thuế suất nhất định, đề xuất khoảng 10% hoặc 15% bằng giá đất.

Bộ Tài chính đã có Công văn số 2411/BTC-QLCS ngày 26/02/2014 trả lời Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về vấn đề này.

6.2. Tiếp tục cho phép điều chỉnh cơ cấu căn hộ các dự án nhà ở thương mại, dự án đầu tư xây dựng khu đô thị và chuyển đổi dự án nhà ở thương mại sang nhà ở xã hội hoặc công trình dịch vụ theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-BXD đến ngày 31/12/2015.

Về kiến nghị tiếp tục cho phép điều chỉnh cơ cấu căn hộ các dự án thương mại, dự án đầu tư xây dựng khu đô thị và chuyển đổi dự án nhà ở thương mại sang nhà ở xã hội hoặc công trình dịch vụ theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-BXD ngày 31/12/2013 thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ Xây dựng. Liên quan đến xử lý tiền sử dụng đất đã nộp, Bộ Tài chính đã có Công văn số 1012/BTC-QLCS ngày 21/01/2014 báo cáo Thủ tướng Chính phủ; theo đó: *“Mỗi dự án nhà ở thương mại có tính chất khác nhau về: địa bàn thực hiện dự án, thời điểm triển khai dự án, tiến độ thực hiện dự án, việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai... Vì vậy, Bộ Tài chính sẽ hướng dẫn đối với từng trường hợp cụ thể khi các địa phương có đề nghị; trường hợp vượt thẩm quyền sẽ báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định”*.

7. Về lĩnh vực xã hội: Kiến nghị Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành trong công tác cai nghiện ma túy, cụ thể:

(1) Kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn và biểu mẫu cần thiết để triển khai thực hiện thống nhất khi các Nghị định mới ban hành đã có hiệu lực như: Nghị định 111/2013/NĐ-CP; Nghị định 167/2013/NĐ-CP; Nghị định 221/2013/NĐ-CP;...

Bộ Tài chính đã chủ trì và phối hợp với các Bộ, ngành liên quan ban hành các Thông tư hướng dẫn, cụ thể: Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 08/10/2014 của liên Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành nên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh – Giáo dục – Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng. Thông tư số 193/2014/TT-BTC ngày 12/12/2014 quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

(2) Với đặc thù đối tượng nghiện ma túy trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đông và phức tạp về tính chất, mức độ vi phạm tập trung nhiều đối tượng nghiện ma túy từ các địa phương khác đến,... kiến nghị cho phép thành phố Hồ Chí Minh được thí điểm áp dụng giao chức năng quản lý, cắt con giải độc, tư vấn tâm lý cho người nghiện ma túy trong khi chờ cơ quan chức năng lập thủ tục, hồ

sơ ban hành quyết định đưa người vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm Tiếp nhận đối tượng xã hội Bình Triệu.

Nghị quyết số 77/2014/QH13 ngày 10/11/2014 của Quốc hội về phát triển kinh tế - xã hội năm 2015, trong đó Quốc hội yêu cầu Chính phủ hướng dẫn, chỉ đạo địa phương tạm thời giao trung tâm, cơ sở tiếp nhận đối tượng xã hội của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp nhận để quản lý, cắt con, giải độc, tư vấn tâm lý cho người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định trong thời gian lập hồ sơ để Tòa án nhân dân xem xét, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện.

8. Về lĩnh vực công nghiệp:

Kiến nghị Quốc hội, Chính phủ có cơ chế, chính sách giảm thuế, hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp cử lao động đi học tập, nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp hỗ trợ. Trong đó, hỗ trợ kinh phí đào tạo nhân lực cho các lĩnh vực: công nghệ vật liệu của ngành cơ khí, hóa chất, linh kiện điện tử; thiết kế sản phẩm, xây dựng thương hiệu các ngành dệt may, da giày.

- Về thuế Thu nhập doanh nghiệp:

+ Điều 1 Luật số 32/2013/QH13 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2014) quy định: *“Trừ các khoản chi quy định tại khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi khi xác định thu nhập chịu thuế nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; khoản chi thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật”*.

+ Khoản 3, Điều 1 Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều các Luật về thuế (có hiệu lực từ ngày 01/01/2015) quy định: *“a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; khoản chi cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp; khoản chi thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật”* là khoản chi được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

+ Khoản 5, Điều 1 Luật số 71/2014/QH13 quy định áp dụng thuế suất 10% trong 15 năm; miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo đối với: *“đ) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đáp ứng một trong các tiêu chí sau: Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho công nghệ cao theo quy định của Luật công nghệ cao; sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho sản xuất sản phẩm các ngành: dệt - may; da - giày; điện tử - tin học; sản xuất lắp ráp ô tô; cơ khí chế tạo mà các sản phẩm này tính đến ngày 01 tháng 01 năm 2015 trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất được nhưng phải đáp ứng được tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh Châu*

Âu (EU) hoặc tương đương. Chính phủ quy định Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển quy định tại điểm này”.

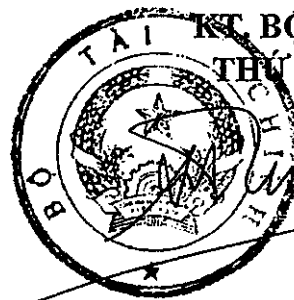
Căn cứ các quy định nêu trên thì doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các khoản chi phí đào tạo cho lao động của doanh nghiệp mà có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và có đủ hóa đơn chứng từ theo quy định. Đồng thời, kể từ ngày 01/01/2015 thì thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển được hưởng ưu đãi thuế ở mức cao nhất (thuế suất 10% trong 15 năm; miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo) nếu đáp ứng điều kiện ưu đãi thuế.

- Về thuế giá trị gia tăng: Luật thuế Giá trị gia tăng quy định, dạy học, dạy nghề theo quy định của pháp luật thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng. Ngoài ra, theo quy định tại Nghị định của Chính phủ thì đào tạo, học tập nâng cao trình độ ở nước ngoài do phía Việt Nam chi trả hay phía nước ngoài chi trả đều không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng.

Bộ Tài chính xin trả lời để Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố Hồ Chí Minh được biết. Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- UBND thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục QLCS, TCDN, QLN&TCĐN;
- Vụ TCNH, CST, ĐT, PC, HCSN;
- TCT;
- Lưu: VT, Vụ NSNN. (18)



ĐỖ HOÀNG ANH TUẤN